

Số: **150** /CBTT-TA-HĐQT

TP.HCM, ngày 29 tháng 01 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
(Phòng Công bố thông tin; Vụ Quản lý Phát hành)
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
(Phòng quản lý niêm yết)

Công ty: **Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An**

Mã chứng khoán: TAW

Trụ sở chính: 873A Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3588 3474

Fax: (028) 3588 3475

Người thực hiện công bố thông tin: Hoàng Thế Bảo

Địa chỉ: 873A Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại di động: 0903632962

Điện thoại cố định (cơ quan): (028) 39851386


Fax: (028) 3588 3475

Loại công bố thông tin: ☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố: Thực hiện Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán, Công ty cổ phần Cấp nước Trung An (Công ty) công bố thông tin về thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 29/01/2019 tại đường dẫn <http://www.capnuoctrungan.vn/tin-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin
GIÁM ĐỐC
HOÀNG THẾ BẢO


Số: 21 /TB-KV IV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2019

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN**

Kính gửi: Giám đốc Công ty CP Cấp nước Trung An

Thực hiện Quyết định số 1931/QĐ-KTNN ngày 14/9/2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2017 của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, Tổ Kiểm toán nhà nước đã tiến hành kiểm toán tại Công ty CP Cấp nước Trung An từ ngày 24/10/2018 đến 02/11/2018.

Căn cứ kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán và Báo cáo Kiểm toán của Đoàn Kiểm toán, Kiểm toán nhà nước khu vực IV thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán đối với Công ty CP Cấp nước Trung An để đơn vị biết và tổ chức thực hiện như sau:

I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Các kết quả kiểm toán về số liệu, nhận xét, đánh giá được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán đã được ký với đơn vị ngày 10 tháng 12 năm 2018 và xác nhận số liệu quyết toán theo các Phụ lục 03,04,05/BCKT-DN kèm theo.

Sau đây là một số kết luận chủ yếu sau:

1. Về tính đúng đắn, trung thực của Báo cáo tài chính

Ngoại trừ những ảnh hưởng của phần giới hạn kiểm toán, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP Cấp nước Trung An sau khi điều chỉnh theo kết quả kiểm toán của KTNN, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước năm 2017.

2. Về chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính, kế toán và quản lý, sử dụng vốn, tiền và tài sản nhà nước

Công tác quản lý tài chính, kế toán được Công ty thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp; Các quy định về thuế, chuẩn mực kế toán và các văn bản quản lý nhà nước có liên quan; Các quy chế quản lý nội bộ do công ty xây dựng, ban hành và thực hiện. Tuy nhiên, việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, doanh thu, chi phí và thực hiện nghĩa vụ với NSNN có một số tồn tại chủ yếu sau:

(1) Về quản lý tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và thực hiện nghĩa vụ với NSNN:

- Quản lý hàng tồn kho: Qua kiểm tra tình hình phân bổ công cụ, dụng cụ, nhận thấy có một số công cụ, dụng cụ như máy vi tính, điện thoại di động, máy in, đơn vị nhập kho và chứng từ hóa đơn ngày 29/12, xuất dùng năm 2018 nhưng đã

phân bổ hết vào chi phí trong năm là chưa phù hợp giữa doanh thu và chi phí, Tổ kiểm toán điều chỉnh giảm chi phí sản xuất chung số tiền 1.316.953.998 đồng, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp 44.545.454 đồng.

- Quản lý doanh thu, chi phí: Qua kiểm toán nhận thấy, đơn vị ghi nhận chi phí sửa chữa trạm Thanh Lộc đường Hà Huy Giáp 336.111.000 đồng biên bản nghiệm thu và chứng từ hóa đơn phát sinh ngày 29/12/2017, Kiểm toán điều chỉnh giảm chi phí và chuyển sang phân bổ vào năm 2018.

(2) Về quản lý và sử dụng đất: Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An được giao 03 khu đất, gồm: Giếng số, giếng số 2 và Giếng số 3. Đơn vị đã gửi hồ sơ đề nghị Sở Tài nguyên làm thủ tục thuê đất theo Công văn số 831/QLĐ ngày 08/11/2016 gửi Sở Tài nguyên và gửi hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất ngày 25/7/2017). Tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán Sở Tài nguyên chưa thực hiện ký hợp đồng thuê đất với Công ty. Tổ kiểm toán tạm tính tiền thuê đất đối với 03 khu đất, số tiền: 130.100.774 đồng.

(3) Tình hình thực hiện nghĩa vụ NSNN: Về cơ bản, công ty đã thực hiện kê khai phí BVMT, thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, và các loại thuế khác theo quy định của Luật Quản lý thuế và các luật thuế liên quan. Tuy nhiên qua kiểm toán điều chỉnh tăng khoản phải nộp nhà nước 443.602.709 đồng gồm: Tăng thuế TNDN phải nộp năm 2017 số tiền: 313.501.935 đồng do điều chỉnh giảm chi phí quản lý, số tiền: 85.555.320 đồng và chi phí giá vốn: 1.653.064.998 đồng; Tăng các khoản phải nộp ngân sách khác, số tiền: 130.100.774 đồng, do đơn vị chưa nộp tiền thuê đất từ năm 2015 đến 2017.

3. Về tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, sử dụng vốn, tiền và tài sản nhà nước

Đánh giá tính hiệu quả việc quản lý, sử dụng vốn, tiền và tài sản nhà nước thông qua một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu: tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu năm 2017 tăng 0,76% so năm 2016, tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản tăng 1,70% so năm 2016, Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn đầu tư chủ sở hữu năm 2017 tăng 2,77% so năm 2016. Qua chỉ tiêu vừa phân tích cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty năm 2017 bảo đảm được hiệu quả, bảo toàn được vốn. Các chỉ tiêu về suất lợi nhuận năm 2017 tăng so với năm 2016, hệ số thanh toán hiện hành và thanh toán nợ ngắn hạn năm 2017 tốt hơn so với năm 2016 và hệ số nợ giảm so với năm 2016.

II. KIẾN NGHỊ

1. Điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán và báo cáo tài chính theo ý kiến kết luận của Kiểm toán nhà nước.

2. Kiến nghị về xử lý tài chính, số tiền 443.602.709 đồng, gồm:

+ Thuế TNDN phải nộp tăng thêm	313.501.935 đồng
+ Tiền thuê đất	130.100.774 đồng

Đề nghị Công ty CP Cấp nước Trung An thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và báo cáo kết quả thực hiện về Tổng Công ty Cấp nước

Sài Gòn – TNHH MTV và KTNN khu vực IV, địa chỉ 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM trước ngày 31/03/2019. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do). Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, ghi chép chứng từ theo hướng dẫn tại Phụ lục 01a, 01b/HSKT-KTNN kèm theo

Thông báo này gồm 03 trang, từ trang 01 đến trang 03 và các Phụ lục số 01,02,03,04,05 và 06/BCKT-DN là bộ phận không tách rời của Thông báo này. /

KIỂM TOÁN TRƯỞNG



Doãn Anh Thơ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Tổng hợp;
- Vụ Chế độ và KSCLKT;
- Kiểm toán trưởng;
- Lưu: Đoàn Kiểm toán, VT.

DANH MỤC CÔNG VĂN GỬI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

TT	Công văn gửi KBNN		Tên đơn vị ban hành công văn	Tên kho bạc giao dịch	Đơn vị được kiểm toán thực hiện kiến nghị
	Số và ký hiệu	Ngày			
1	2	3	4	5	6
1	966/KV IV - TH	20/12/18	Kiểm toán nhà nước khu vực IV	Kho bạc nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV
2	965/KV IV - TH	20/12/18	Kiểm toán nhà nước khu vực IV	Kho bạc nhà nước Trung ương	Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV

HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại kho bạc nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào kho bạc nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ “Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2017 tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số 838/KTNN-TH ngày 28 tháng 12 năm 2018 và theo Công văn số 966/KV IV - TH ngày 20/12/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực IV gửi Kho bạc nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN. Đối với trường hợp kiến nghị cơ quan thuế xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung “xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2017”; Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ghi rõ: “Nộp tiền xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2017.”.

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017
Tại Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An

Đơn vị tính: Đồng.

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế			Các khoản phải nộp NSNN khác	LN Sau thuế nộp NSNN
	Đơn vị được kiểm toán			Thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	Thuế nhà thầu		
	Công ty CP Cấp nước Trung An	031035008 2	443.602.709	313.501.935	130.100.774			
	Tổng cộng (A+B)		443.602.709	313.501.935	130.100.774			

THUYẾT MINH KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017

Tại Công ty CP Cấp nước Trung An

Số TT	Đơn vị/Chỉ tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	313.501.935		
	Công ty CP Cấp nước Trung An	313.501.935	Do doanh thu, chi phí, thu nhập tính thuế thay đổi.	
2	Tiền thuê đất	130.100.774		
	Công ty CP Cấp nước Trung An	130.100.774	Tăng tiền thuê đất phải nộp từ 2015 - 2017	
	TỔNG CỘNG	443.602.709		

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2017 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A. TAI SAN NGAN HAN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100	161.029.053.396	162.390.552.848	1.361.499.452
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	24.434.852.696	24.434.852.696	
1. Tiền	111	19.434.852.696	19.434.852.696	
2. Các khoản tương đương tiền	112	5.000.000.000	5.000.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	117.584.082.597	118.945.582.049	1.361.499.452
1. Phải thu khách hàng	131	115.565.718.025	116.927.217.477	1.361.499.452
2. Trả trước cho người bán	132	35.000.000	35.000.000	
3. Các khoản phải thu khác	135	1.983.364.572	1.983.364.572	
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	
IV. Hàng tồn kho	140	17.648.696.220	17.648.696.220	-
1. Hàng tồn kho	141	17.648.696.220	17.648.696.220	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	1.361.421.883	1.361.421.883	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	789.800.000	789.800.000	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	571.621.883	571.621.883	-
B. TAI SAN DAI HAN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200	5.111.637.699	5.447.748.699	336.111.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	
II. Tài sản cố định	220	5.111.637.699	5.111.637.699	-
1. TSCĐ hữu hình	221	4.488.222.374	4.488.222.374	-
- Nguyên giá	222	21.943.514.559	21.943.514.559	-
- Giá trị hao mòn	223	(17.455.292.185)	(17.455.292.185)	-
2. TSCĐ thuê tài chính	224			-
3. TSCĐ vô hình	227	623.415.325	623.415.325	
- Nguyên giá	228	3.210.069.818	3.210.069.818	
- Giá trị hao mòn	229	(2.586.654.493)	(2.586.654.493)	
III. Bất động sản đầu tư	240	-	-	-
- Nguyên giá	241		-	
- Giá trị hao mòn	242		-	
IV. Tài sản dở dang và dài hạn		-	-	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			-	
VI. Tài sản dài hạn khác	260	-	336.111.000	336.111.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		336.111.000	336.111.000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	
3. Thiết bị, VPTT thay thế dài hạn	263		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	166.140.691.095	167.838.301.547	1.697.610.452
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	106.606.669.915	107.050.272.624	443.602.709
I. Nợ ngắn hạn	310	106.606.669.915	107.050.272.624	443.602.709
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	82.369.993.779	82.369.993.779	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.601.579.005	1.601.579.005	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.126.866.351	4.570.469.060	443.602.709

4. Phải trả người lao động	314	16.197.408.482	16.197.408.482	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	229.229.546	229.229.546	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	1.212.506.070	1.212.506.070	-
10. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	321		-	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	869.086.682	869.086.682	
II. Nợ dài hạn	330	-	-	
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	334		-	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	59.534.021.180	60.788.028.923	1.254.007.743
I. Vốn chủ sở hữu	410	59.534.021.180	60.788.028.923	1.254.007.743
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	50.000.000.000	50.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	261.091.481	261.091.481	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	570.615.390	570.615.390	
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.918.607.031	4.918.607.031	
5. Quỹ dự phòng tài chính	419			
6. Lợi nhuận chưa phân phối	421	3.783.707.278	5.037.715.021	1.254.007.743
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	
2. Nguồn kinh phí			-	
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			-	
ÔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	166.140.691.095	167.838.301.547	1.697.610.452

Thuyết minh chênh lệch

I- TỔNG TÀI SẢN TĂNG	1.697.610.452
1- Hàng tồn kho tăng	1.361.499.452
- Điều chỉnh lại công dụng cụ mua ngày 29/12/2017 nhưng HT toàn bộ vào chi phí	1.361.499.452
3. Chi phí trả trước dài hạn tăng	336.111.000
- Tăng chi phí trả trước do chi phí SC trạm cấp nước Tân Xuân phát sinh ngày 29/12/2017	336.111.000
II- NGUỒN VỐN TĂNG	1.697.610.452
1- Thuế và các khoản phải nộp tăng (Xem chi tiết thuyết minh phần thuế)	443.602.709
2- Lợi nhuận chưa phân phối tăng do tăng doanh thu, giảm chi phí và thuế phải nộp	1.254.007.743

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
1. Doanh thu	1	329.369.707.857	329.369.707.857	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	115.194.455	115.194.455	
3. Doanh thu thuần	10	329.254.513.402	329.254.513.402	0
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	314.582.873.865	312.929.808.867	-1.653.064.998
5. Lợi nhuận gộp	20	14.671.639.537	16.324.704.535	1.653.064.998
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	311.898.281	311.898.281	
7. Chi phí tài chính	22	22.646.581	22.646.581	
Trong đó: Chi phí lãi vay		22.646.581	22.646.581	
8. Chi phí bán hàng	24	241.040.000	241.040.000	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	10.113.634.195	10.199.189.515	85.555.320
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30	4.606.217.042	6.173.726.720	1.567.509.678
11. Thu nhập khác	31	215.947.096	215.947.096	0
12. Chi phí khác	32	27.530.040	27.530.040	
13. Lợi nhuận khác	40	188.417.056	188.417.056	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	4.794.634.098	6.362.143.776	1.567.509.678
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.010.926.820	1.324.428.755	313.501.935
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
17. Lợi nhuận sau thuế	60	3.783.707.278	5.037.715.021	1.254.007.743

Thuyết minh chênh lệch

1- Điều chỉnh giảm chi phí

-1.653.064.998

1.1. Điều chỉnh giảm giá vốn hàng bán

-1.653.064.998

- Giảm giá vốn hàng bán do phân bổ lại công dụng cụ mua ngày 29/12/2017 nhưng HT toàn bộ vào chi phí

-1.316.953.998

- Giảm giá vốn hàng bán do chi phí SC trạm Tân Xuân phát sinh ngày 29/12/2017 nhưng HT toàn bộ vào chi phí

-336.111.000

1.2. Điều chỉnh giảm chi phí quản lý doanh nghiệp

85.555.320

- Giảm chi phí QLDN do phân bổ lại công dụng cụ mua ngày 29/12/2017 nhưng HT toàn bộ vào chi phí

-44.545.454

- Tăng chi phí QLDN do tăng tiền thuê đất phải nộp

130.100.774

2- Điều chỉnh tăng thuế TNDN phải nộp

Xem bảng tính thuế TNDN (Xem bảng tính thuế TNDN)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ NSNN TẠI CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TRUNG AN

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuê	3.555.244.468	3.998.847.177	443.602.709
1. Thuế GTGT	4.010.585.528	4.010.585.528	0
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt			
3. Thuế xuất, nhập khẩu			
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017	-571.621.883	-258.119.948	313.501.935
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016		0	
5. Thuế thu nhập cá nhân	116.280.823	116.280.823	
6. Thuế tài nguyên			
7. Thuế nhà đất và tiền thuê đất		130.100.774	130.100.774
8. Các loại thuế khác			
9. Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác		0	0
II. Các khoản phải nộp khác	-	-	-
1. Các khoản phụ thu			
2. Các khoản phí, lệ phí		-	
3. Các khoản khác		-	
Tổng cộng =I+II	3.555.244.468	3.998.847.177	443.602.709
III. Thuê thu nhập hoãn lại phải trả			

Nguyên nhân chênh lệch

2- Tiền thuê đất phải nộp

130.100.774

- Tiền thuê đất phải nộp từ 2015-2017

130.100.774

BẢNG TÍNH THUẾ TNDN NĂM 2017 CỦA CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TRUNG AN

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Trước KT	Chênh lệch
A	B		1	
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.794.634.098	6.362.143.776	1.567.509.678
2	Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế TNDN	260.000.000	260.000.000	
	Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế TNDN		0	
3	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	5.054.634.098	6.622.143.776	1.567.509.678
a	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động cấp nước			0
b	Thu của hoạt động khác		0	
4	Tổng nguyên giá hệ thống cấp nước tại thời điểm CPH		0	
5	XDCBDD từ trước thời điểm CPH đã tăng TSCĐ đến 31/12/2013			
6	Tổng nguyên giá TSCĐ đến hiện tại		0	
7	Thu nhập chịu thuế suất 5% $[ax(4+5)/6]$	-		0
8	Thu nhập chịu thuế suất 20% (3-7)	5.054.634.098	6.622.143.776	1.567.509.678
9	Thuế TNDN phải nộp $(7 \times 5\% + 8 \times 20\%)$	1.010.926.820	1.324.428.755	313.501.936
10	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (1-9)	3.783.707.278	5.037.715.021	1.254.007.742

